TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2025/HS-PT
Ngày: 15-4-2025

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Triều.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Thái Dũng

Bà Nguyễn Thị Diệp Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Phúc Thẩm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Hồ Minh Hiếu, Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 54/2025/TLPT-HS ngày 27 tháng 02 năm 2025 đối với bị cáo Lê Văn Q và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Lê Văn Q (tên gọi khác: T)**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1974. Tại tỉnh Long An.

Nơi cư trú: Ấp V, xã T, huyện C, tỉnh Long An; Nơi ở hiện nay: Ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Minh Đ, sinh năm 1956 và bà Đào Thị Đ1, sinh năm 1954; có vợ Lê Thị S, sinh năm 1975 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 1996, nhỏ nhất sinh năm 1997; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

2. **Lê Văn H** – sinh ngày 15/11/1996, tại tỉnh Tiền Giang;

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q, sinh năm 1974 và bà Lê Thị S, sinh năm 1975; vợ: Nguyễn Thị Ngọc B, sinh năm 1993; có 01 con sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

3. **Phạm Trường V (tên gọi khác: Bé)** – sinh ngày 19/9/1990, tại tỉnh Tiền Giang;

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N, sinh năm 1956 và bà Lê Thị H1, sinh năm 1957; vợ: Lý Thị V1, sinh năm 1989; có 04 con lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2023; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

4. **Lê Ngọc H2** – sinh ngày 10/9/2002, tại tỉnh Tiền Giang;

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T1, sinh năm 1964 và bà Trần Thị N1, sinh năm 1969; vợ, con: chưa có; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

5. **Lê Văn C** – sinh ngày 14/4/1995, tại tỉnh Tiền Giang;

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn Q1, sinh năm 1956 và bà Lê Thị B1, sinh năm 1962; vợ: Nguyễn Thị Như L, sinh năm 2000; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2019, nhỏ nhất sinh năm 2021; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

6. **Nguyễn Văn C1** – sinh ngày 21/3/1995, tại tỉnh Tiền Giang;

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 6/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1969 và bà Nguyễn Thị Đ2, sinh năm 1971; vợ: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1996; chưa có con; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

7. **Nguyễn Văn L1** – sinh ngày 05/5/1976, tại tỉnh Tiền Giang;

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn O, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị T3, sinh năm 1956; vợ:

Trần Thị S1, sinh năm 1981 (đã ly hôn); có 02 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

8. **Đào Minh P (tên gọi khác: Hóc)** – sinh ngày 01/02/1979, tại tỉnh Tiền Giang;

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 4/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Văn B2, sinh năm 1962 và bà Nguyễn Thị C2 (chết); vợ: Phạm Thùy L2, sinh năm 1984; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

9. **Dương Hồng T4** – sinh ngày 27/7/1986, tại tỉnh Tiền Giang;

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Hồng K1, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị B3, sinh năm 1962; vợ: Nguyễn Thị Ngọc V2, sinh năm 1992; có 02 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án: không; tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt tại phiên tòa).

Ngoài ra còn có bị cáo Phạm Khánh D không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị.

- *Người bào chữa cho bị cáo V, C, C1, L1, P, T4:* Ông Nguyễn Văn D1 là Luật sư, thuộc đoàn Luật sư tỉnh T (có mặt)

- *Bị hại:* Anh Tô Văn T5, sinh năm 1972. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt);

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Anh Lê Văn H3, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Anh Tô Văn T5 là ngư dân hành nghề đánh bắt cá gần bờ. Khoảng 08 giờ ngày 07/10/2023, anh T5 điều khiển ghe lưới (không biển số) chở theo 04 thuyền viên gồm: Nguyễn Đức H4 và L3, K2, H5 (anh T5 thuê nhưng không biết rõ họ tên, địa chỉ cụ thể) đến đánh lưới cá khu vực cửa sông C3 thuộc địa bàn xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Đi cùng còn có ghe lưới biển số BTr - 5407TS của người em ruột tên Tô Văn N2, trên ghe anh N2 có 03 thuyền viên gồm Tô Thị H6, Nguyễn Thuận A và S2 (không rõ họ tên, địa chỉ cụ thể do N2 thuê làm theo thời vụ).

Trong lúc cả hai ghe lưới đang đánh cá thì anh N2 nhìn thấy một chiếc ghe cào (không biển số) do Lê Văn Q điều khiển (ghe của anh Lê Văn H3 là anh bạn của Q cho Quốc mượn sử dụng) chở con ruột tên Lê Văn H và người cháu làm thuê tên Lê Ngọc H2 di chuyển vào vùng đang thả lưới, sợ chân vịt quấn lưới gây hư hỏng nên anh N2 khoát tay ra hiệu cho ghe cào không di chuyển vào nhưng Q vẫn chạy vào, nên chị H6 cự cãi với Q và điện thoại cho anh T5 điều khiển ghe chạy đến.

Lúc này, H nhảy xuống sông để kiểm tra thì không có quấn lưới nhưng hai bên vẫn cự cãi qua lại, khi ghe anh T5 chạy đến thì người bên ghe anh T5 dùng ná cao su bắn trúng bụng H nhưng không gây thương tích và dùng sào tre định đập về hướng ghe Q nên Q điều khiển ghe chạy đi, anh T5 cũng điều khiển ghe đuổi theo nhằm mục đích hù dọa nhóm người của Q, sẵn trên ghe có một số chai bia (không nhớ rõ bao nhiêu chai) đã uống hết nên H và H2 mới dùng để ném lại về hướng ghe của anh T5 nhưng không trúng ai, ghe anh T5 đuổi theo một đoạn thì dừng lại, còn Q điều khiển ghe chạy vào bờ nên sự việc dừng lại tại đây.

Do mâu thuẫn với nhóm người trên ghe lưới của anh T5 và N2, nên khoảng 06 giờ ngày 16/10/2023, Lê Văn Q điện thoại cho Nguyễn Văn C1 với nội dung "con ra phụ dượng tám giải quyết mâu thuẫn ghe lưới bữa trước" thì C1 đồng ý. Đồng thời, Q cũng điện thoại cho Nguyễn Văn L1 rủ đi ra cửa sông Cửa Tiểu đoạn thuộc địa bàn xã P, huyện T để tìm ghe lưới của anh T5 giải quyết mâu thuẫn của Q và H thì L1 cũng đồng ý.

Đồng thời Lê Văn H điện thoại rủ Phạm Khánh D, sinh ngày 11/12/2005 và Phạm Trường V đi theo để giải quyết mâu thuẫn cho Q và H thì D và V đồng ý.

Lúc này, Lê Văn C đến nhà Q chơi thấy cả nhóm đang đi ra ghe, biết cả nhóm đi ra biển để giải quyết mâu thuẫn do trước đó H có kể về sự việc mâu thuẫn và rủ đi, nên C cũng tự nguyện đi cùng.

Đồng thời, vào lúc này Lê Ngọc H2 đến nhà Quốc chơi như thường ngày thì nghe Q và H chuẩn bị dụng cụ ra biển để giải quyết mâu thuẫn nên H2 cũng đi theo, do trước đó vào ngày 07/10/2023 H2 cũng là người tham gia đi biển cùng với Q và H nên biết rất rõ mâu thuẫn giữa Q, H với nhóm người của anh T5 và N2.

Sau đó, Q lấy 02 két vỏ chai bia S đỏ trong mỗi két còn khoảng 20 vỏ chai đem ra ghe và nhặt đá xanh loại đá (6x8) cm có sẵn xung quanh nhà bỏ vào 01 cái thùng nhựa và H lấy 01 con dao tự chế cán bằng ống tuýp sắt dài khoảng 40cm, lưỡi dao mũi bằng, sắc bén một bên, lưỡi dao dài 30cm cùng đem xuống ghe, mục đích đem theo để giải quyết mâu thuẫn với nhóm của anh T5 và N2.

Sau đó, tất cả xuống ghe, ghe thứ nhất do Lê Văn H điều khiển chở theo Q, V, H2, D, C đi trước; còn ghe thứ hai do Nguyễn Văn C1 điều khiển (ghe thuộc quyền sở hữu của Nguyễn Văn C1) trên ghe có sẵn 01 két vỏ bia S đỏ khoảng 15 chai. Trên đường chạy ghe ra bến thì C1 gặp Dương Hồng T4 và Đào Minh P, do

C1 đi một mình nên rủ T4, P đi theo giải quyết mâu thuẫn thì cả hai đều đồng ý đi theo. Sau khi T4, P xuống ghe thì Nguyễn Văn L1 cũng vừa đến nên xuống ghe cùng đi do Q đã rủ L1 trước đó, C1 điều khiển ghe chạy theo sau ghe H khoảng vài trăm mét hướng ra biển để tìm ghe lưới của anh T5.

Như thường lệ, khoảng 08 giờ ngày 16/10/2023 ghe lưới của anh T5 gồm: anh T5, H4, L3, K2, H5 và ghe lưới của anh N2 gồm: anh N2, H6, S2, A đánh cá tại khu vực cửa sông C đoạn qua địa bàn xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

Ghe của H ra đến cửa sông thì Q kêu H chạy lại 02 chiếc ghe có màu tương tự như ghe cần tìm xem đúng phải ghe anh T5 hay không và nói với những người đi chung "gặp đúng ghe đó mà tụi nó chống cự thì tụi bây chọi đá, chọi bia vô cho tao", H vừa điều khiển ghe đến gần thì Q nói "đúng ghe rồi".

Lúc này, anh T5 nhìn thấy 02 chiếc ghe gỗ do H và C1 điều khiển đang di chuyển về hướng mình nên anh T5 tăng ga điều khiển ghe bỏ chạy, Q kêu H đuổi theo, khi khoảng cách giữa ghe Q và ghe anh T5 khoảng 10m thì Q kêu cả nhóm trên ghe dùng đá, vỏ chai bia đã chuẩn bị sẵn liên tục ném về phía những người trên ghe anh T5 nhằm mục đích gây thương tích cho những người trên ghe của anh T5. Lúc này, C1 điều khiển ghe chạy đến thấy cả nhóm đang ném đá, vỏ bia qua lại với ghe anh T5 nên cũng chạy ghe đến cho L1, T4, P dùng vỏ chai bia có sẵn trên ghe ném qua ghe anh T5. Riêng H và C1 không ném do đang điều khiển ghe.

Sau khi cả nhóm ném hết các vỏ chai bia và đá xanh mang theo, H điều khiển ghe cặp vào bên mạn trái ghe của anh T5; C và D ngồi phía trước giữ hai ghe không bị dạt ra cho Q và Vĩnh nhảy qua ghe anh T5. Lúc này, Vĩnh nhảy sang ghe anh T5 trước và mang theo con dao tự chế mà H chuẩn bị sẵn, V đi lại chỗ cabin ghe thấy anh T5 trên tay đang cầm 01 con dao dài khoảng 30cm ngồi trong cabin lái ghe, V liền đi đến chém anh T5 nhiều cái trúng vào cabin ghe của anh T5 và trúng vào bàn tay trái, bàn chân phải và bàn tay phải của anh T5 gây thương tích.

Khi thấy anh T5 bị chảy máu nhiều nên V vứt dao xuống biển rồi quay trở lại ghe của H, thấy anh T5 bị thương nặng nên Q nhảy sang ghe anh T5 đứng chửi một lúc rồi kêu anh T5 đi băng bó vết thương, sau đó quay lại ghe.

Khi ghe của nhóm Quốc cặp vào ghe anh T5 thì ghe của C1 bị mắc lưới vào chân vịt không di chuyển được nên cả nhóm gỡ lưới, khi gỡ lưới xong thấy nhóm của Q đã quay lại ghe và trên ghe anh T5 không ai phản kháng nên C1 điều khiển ghe trở về trước.

Còn nhóm của Q không trở về mà Q kêu H tiếp tục điều khiển ghe chạy qua ghe của anh Tô Văn N2 để cảnh cáo những người trên ghe Nghị. Khi cặp vào thấy anh N2 đang quay lại video về sự việc xảy ra của cả nhóm nên C đe dọa yêu cầu anh N2 xóa toàn bộ video, hình ảnh về sự việc; H2 lên ghe anh N2 thì H2 dùng tay tát

một cái vào mặt chị H6, còn Q đứng chửi hăm dọa một lúc rồi cả nhóm trở lại ghe điều khiển quay về nhà.

Sau đó, anh T5 được đưa đi cấp cứu điều trị tại bệnh viện N3, tỉnh Bến Tre; đến ngày 15/12/2023 sau khi bình phục, anh T5 đến Công an huyện T trình báo sự việc.

* Theo giấy chứng nhận thương tích số 001520/2023/CN ngày 16/11/2023 của Bệnh viện N3, tỉnh Bến Tre xác nhận thương tích của anh Tô Văn T5 như sau:

- 01 vết thương kẻ ngón 1, 2 tay phải kích thước 06 x 02cm đứt cơ dạng khép ngón cái.

- 02 vết thương mu bàn tay phải kích thước 07 x 02cm gãy hở nát chỏm đốt bàn + nền đốt gần ngón 4, 5, đứt gân duỗi ngón 4, 5 và 06 x 02cm đứt cơ dạng khép ngón cái. 01 vết thương ngón 1 tay trái kích thước 03 x 02cm, rách dọc gân duỗi.

- 01 vết thương rách da lòng ngón 1 chân phải kích thước 03 x 01cm.

- Vết thương góc ngoài mắt - thái dương (T) kích thước 05 x 01cm thiếu hổng da và mô dưới da; vết thương cung mày kích thước 02 x 01cm; vết thương môi trên kích thước 02 x 01cm

- X quang: Gãy đốt bàn ngón 5, đốt gần ngón 4 tay phải.

* Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 01-2024/KLTTCT-TTPY ngày 02/01/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh T kết luận về thương tích của bị hại Tô Văn T5 như sau:

1. Các kết quả chính:

- Kết quả khám giám định:

+ Sẹo vết thương kẻ ngón I, II bàn tay phải.

+ Sẹo vết mổ trùng sẹo vết thương từ mu bàn tay phải đến mặt trong đốt I ngón IV bàn tay phải.

+ Đứt gân duỗi ngón IV bàn tay phải đã phẫu thuật, khâu nối gân để lại di chứng cứng khớp bàn ngón IV bàn tay phải.

+ Đứt gân duỗi ngón V bàn tay phải đã phẫu thuật, khâu nối gân để lại di chứng cứng khớp bàn ngón V bàn tay phải.

+ Sẹo vết thương mặt lưng đốt bàn ngón I bàn tay trái.

+ Sẹo vết thương mặt lòng ngón I bàn chân phải.

+ Sẹo vết thương đầu ngoài mi mắt trái.

+ Sẹo vết thương bờ dưới cung mày bên trái.

+ Sẹo vết thương môi trên bên trái.

+ Gãy đốt bàn ngón V bàn tay phải.

+ Gãy đốt 1 ngón IV bàn tay phải.

- Kết quả cận lâm sàng:

Kết quả X-quang bàn tay phải: Gãy xương bàn V và xương đốt gần ngón IV bàn tay trái đang kết hợp xương bằng xuyên đinh.

2. Kết luận:

* Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định của nạn nhân Tô Văn T5 là 29% (Hai mươi chín phần trăm) theo phương pháp cộng tại Thông tư.

* Kết luận khác:

Xác định vật gây thương tích:

+ Sẹo vết thương kẻ ngón I, II bàn tay phải. Sẹo vết mổ trùng sẹo vết thương từ mu bàn tay phải đến mặt trong đốt I ngón IV bàn tay phải. Đứt gân duỗi ngón IV bàn tay phải đã phẫu thuật, khâu nối gân để lại di chứng cứng khớp bàn ngón IV bàn tay phải. Đứt gân duỗi ngón V bàn tay phải đã phẫu thuật, khâu nối gân để lại di chứng cứng khớp bàn ngón V bàn tay phải. Sẹo vết thương mặt lưng đốt bàn ngón I bàn tay trái. Sẹo vết thương mặt lòng ngón I bàn chân phải. Gãy đốt bàn ngón V bàn tay phải. Gãy đốt 1 ngón IV bàn tay phải. Thương tích do vật sắc gây nên.

+ Sẹo vết thương đầu ngoài mi mắt trái. Thương tích do vật tầy có cạnh sắc gây nên.

+ Sẹo vết thương bờ dưới cung mày bên trái. Sẹo vết thương môi trên bên trái. Thương tích do vật tầy gây nên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn H, Phạm Trường V, Lê Ngọc H2, Lê Văn C, Phạm Khánh D, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn L1, Đào Minh P, Dương Hồng T4 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Lê Văn H áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Trường V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lê Ngọc H2 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L1 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Đào Minh P 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Dương Hồng T4 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự. Nghị quyết số 02/VBHN-TANDTC ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân tối cao;

- Xử phạt bị cáo Phạm Khánh D 02 (hai) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 04 (bốn) năm tính từ ngày tuyên án.

- Giao bị cáo Phạm Khánh D cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Ngoài ra, bản án còn tuyên phần xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 24/01/2025, các bị cáo Lê Văn H, Lê Văn Q, Lê Ngọc H2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Ngày 03/02/2025, các bị cáo Lê Văn C, Đào Minh P, Dương Hồng T4, Nguyễn Văn C1, Phạm Trường V, Nguyễn Văn L1 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và cho rằng hoàn cảnh gia đình các bị cáo rất khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình, xin Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong hạn luật định nên được cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về nội dung: Về tội danh cấp sơ thẩm kết luận các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn H, Phạm Trường V, Lê Ngọc H2, Lê Văn C, Phạm Khánh D, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn L1, Đào Minh P, Dương Hồng T4 phạm tội "Cố ý gây thương tích" là có cơ sở. Về hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội của các bị cáo cùng với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên xử phạt bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn H, Phạm Trường V cùng với mức án 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, bị cáo Lê Ngọc H2, Nguyễn Văn C1, Lê Văn C cùng với mức án 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù; bị cáo Nguyễn Văn L1, Đào Minh P, Dương Hồng T4 cùng với mức án 02 (hai) năm tù là phù hợp.

Về trách nhiệm dân sự, cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ các yêu cầu của bị hại và bị hại cũng không có yêu cầu gì khác. Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết mới nào, bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Xét hành vi của các bị báo là xem thường tính mạng sức khoẻ của con người được pháp luật bảo vệ, gây mất tình hình an ninh tại địa phương, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355, 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuy nhiên cấp sơ thẩm không áp dụng Điều 17 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xác định vai trò đồng phạm do đó cần bổ sung điều luật này.

Luật sư bào chữa cho bị cáo V, C, C1, L1, P, T4 cho rằng: Các bị cáo phạm tội giản đơn sau khi gây ra hậu quả, các bị cáo đã khắc phục hoàn toàn cho bị hại và tại phiên toà bị hại cũng có yêu cầu xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện trở thành công dân tốt cho xã hội, kính đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 để xem xét cho các bị cáo V, C, C1, L1, P, T4 được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở lời khai của các bị cáo và căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra được thể hiện trong hồ sơ vụ án. Xét việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc

xét xử và các bị cáo cũng đồng ý tiếp tục xét xử, nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn H, Phạm Trường V, Lê Ngọc H2, Lê Văn C, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn L1, Đào Minh P, Dương Hồng T4 đều khai nhận hành vi thực hiện đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông đã truy tố đối với các bị cáo. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; người làm chứng; biên bản phạm tội quả tang; biên bản khám nghiệm hiện trường; vật chứng thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, đã có cơ sở xác định: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 16/10/2023 tại khu vực cửa sông C đoạn qua địa bàn xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang; các bị cáo Lê Văn H, Nguyễn Văn C1 là người điều khiển ghe cho các bị cáo Lê Văn Q, Phạm Trường V, Lê Ngọc H2, Lê Văn C, Phạm Khánh D, Nguyễn Văn L1, Đào Minh P, Dương Hồng T4 dùng vỏ chai bia Sài G đỏ và đá xanh loại đá (6 x 8)cm chọi vào người anh Tô Văn T5 trúng vào mi mắt trái, cung mày bên trái, môi trên bên trái gây thương tích; bị cáo Phạm Trường V dùng 01 con dao tự chế cán bằng ống tuýp sắt dài khoảng 40cm, lưỡi dao mũi bằng, sắc bén một bên và lưỡi dao dài 30cm là hung khí nguy hiểm để chém anh Tô Văn T5 nhiều cái trúng vào bàn tay trái, ngón I bàn chân phải, bàn tay phải. Tổng tỷ lệ thương tật của anh T5 là 29%. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú Đông truy tố các bị cáo về tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự, với tình tiết "dùng hung khí nguy hiểm" là hoàn toàn chính xác, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự liều lĩnh, manh động, xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi thực hiện tội phạm, các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ tính mạng, sức khỏe con người là vô giá và luôn được pháp luật bảo vệ, nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện cho thấy các bị cáo xem thường pháp luật, bất chấp hậu quả. Do vậy, xét cần phải áp dụng một mức án nghiêm minh để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[4] Xét về mức hình phạt đối với các bị cáo:

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như về nhân thân xử phạt các bị cáo mức án là phù hợp. Từ khi xét xử ở cấp sơ thẩm đến nay bị cáo, cũng không có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới nào để Hội đồng xét xử xem xét. Do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo.

[5] Về phần trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo đã liên đới bồi thường thiệt hại cho bị hại Tô Văn T5 tổng số tiền 150.000.000 đồng theo yêu cầu của bị hại. Tại phiên tòa bị hại không có yêu cầu gì thêm về dân sự và các bị cáo cũng không có ý kiến gì về số tiền đã liên đới bồi thường cho bị hại, nên Tòa không xét.

[6] Xét ý kiến luật sư bảo vệ cho các bị cáo V, C, C1, L1, P, T4: Các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, tự nguyện bồi thường thiệt hại; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại có đơn bãi nại và tại phiên tòa phúc thẩm tiếp tục xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Như đã phân tích ở trên hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội gây mất an ninh chính trị tại địa phương, cho nên luật sư bào chữa cho các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

[7] Các phần khác của quyết định án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Xét ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự,

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn H, Phạm Trường V, Lê Ngọc H2, Lê Văn C, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn L1, Đào Minh P, Dương Hồng T4.

Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 01/2025/HS-ST ngày 21 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Tiền Giang.

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn H, Phạm Trường V, Lê Ngọc H2, Lê Văn C, Phạm Khánh D, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn L1, Đào Minh P, Dương Hồng T4 phạm tội "Cố ý gây thương tích".

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Lê Văn H áp dụng thêm điểm o khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự;

- Xử phạt bị cáo Lê Văn Q 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Phạm Trường V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lê Ngọc H2 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C1 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn C 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L1 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Đào Minh P 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

- Xử phạt bị cáo Dương Hồng T4 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo thi hành án.

3. Án phí phúc thẩm: Mỗi bị cáo Lê Văn Q, Lê Văn H, Phạm Trường V, Lê Ngọc H2, Lê Văn C, Nguyễn Văn C1, Nguyễn Văn L1, Đào Minh P, Dương Hồng T4 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của quyết định án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang;
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Tiền Giang;
- Phòng KTNV và THA (TAT);
- TAND huyện T;
- VKSND huyện T;
- Phân trại tam giam KV TP G - thuộc TTG CA Tiền Giang;
- THADS huyện T;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thanh Triều